TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 14/2021/KDTM - ST
Ngày: 11-10-2021
V/v "Tranh chấp hợp đồng tư vấn xây dựng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duy Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Hương

2. Ông Đặng Minh Lý

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Anh Duy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương *tham gia phiên toà:* Bà Lê Thị Thuỷ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2020/TLST-KDTM ngày 07 tháng 10 năm 2020 về: "Tranh chấp hợp đồng tư vấn xây dựng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST – KDTM ngày 20 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty B. Địa chỉ: Số 26 – 27 đường Đ, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Thu, sinh năm 1988

Địa chỉ: Công ty Luật BLầu 19, tòa nhà Becamex, số 230 đường Đ, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 15/11/2020). Có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH A. Địa chỉ: Tòa nhà S, đường M, phường Đ, quận N, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Trần Huỳnh T, sinh năm 1972 – chức vụ: Giám đốc chi nhánh. Địa chỉ liên lạc: Số 326 tầng 3 đường Đ, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 28/12/2020). Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty TNHH TL. Địa chỉ: Số 116 đường H, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Vắng.

2. Công ty Cổ phần Bê tông LT 1. Địa chỉ: Số 234 đường ĐT, Khu phố TL, phường P, thị xã T, tỉnh Bình Dương; Vắng.

3. Công ty TNHH PC. Địa chỉ: Số 129/5 đường H, Khu 11, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Phúc Cường – chức vụ: Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

4. Công ty Cổ phần V. Địa chỉ: D12 đường L, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng

5. Công ty TNHH C. Địa chỉ: Số 36F/2A đường P, Phường 5, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Văn Ngọc, sinh năm 1954. Vắng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23/12/2015 và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn Công ty B trình bày:

Công ty B (gọi tắt là CÔNG TY B) là chủ đầu tư công trình nhà ở CÔNG TY B Plaza, công trình tọa lạc tại phường H, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Để thực hiện công trình, CÔNG TY B đã tiến hành ký hợp đồng với các đơn vị sau:

Ngày 14/4/2009 CÔNG TY B cùng Công ty TNHH C ký hợp đồng thiết kế xây dựng công trình số 01/2009/HĐKT về việc lập hồ sơ thiết kế cơ sở công trình CÔNG TY B Plaza. Phạm vi công việc phải thực hiện được quy định tại Điều 1 của hợp đồng gồm: Bản vẽ sơ đồ vị trí xây dựng công trình, bản vẽ tổng thể mặt bằng công trình… Tổng giá trị hợp đồng là 2.178.061.000 đồng (hai tỷ một trăm bảy mươi tám triệu không trăm sáu mươi mốt nghìn đồng).

Ngày 21/5/2009, CÔNG TY B cùng Công ty cổ phần LT ký hợp đồng xây dựng số 60/HĐKT/BTTĐ, hạng mục: cung cấp, thử tĩnh và thi công đóng cọc vuông BTCT 40 x 40cm. Nội dung công việc phải thực hiện được quy định tại Điều 1 của hợp đồng gồm: Nhận cung cấp, thử tĩnh và thi công đóng cọc BTCT 40x40cm cho công trình. Tổng giá trị hợp đồng là 47.625.475.640đồng (bốn mươi bảy tỷ sáu trăm hai mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm bốn mươi đồng).

Ngày 26/6/2009, CÔNG TY B cùng Công ty APAVE Việt Nam & Đông Nam Á (nay là Công ty TNHH A) ký hợp đồng tư vấn xây dựng số SC – 09 – 020, đối tượng hợp đồng được quy định tại Điều 1 của hợp đồng gồm: Tư vấn quản lý dự án, tư vấn giám sát kỹ thuật thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị, tư vấn thẩm tra hồ sơ thiết kế, thẩm tra dự toán, kiểm tra và cấp giấy chứng nhận

sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng. Tổng giá trị hợp đồng là 12.650.000.000 đồng (mười hai tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng).

Ngày 25/9/2009, CÔNG TY B cùng Công ty TNHH C ký hợp đồng thi công xây dựng số 321HĐXD/2009 về việc thi công đóng cọc đại trà 40cm x 40cm. Nội dung công việc được quy định tại Điều 1 của hợp đồng gồm: Đóng cọc đại trà công trình. Tổng giá trị hợp đồng là 2.268.314.400 đồng (hai tỷ hai trăm sáu mươi tám triệu ba trăm mười bốn nghìn bốn trăm đồng).

Ngày 29/10/2009 CÔNG TY B cùng Công ty cổ phần V (VIET CIC) ký hợp đồng thiết kế xây dựng công trình số 02/2009/HĐKT về việc lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật công trình CÔNG TY B Plaza. Phạm vi công việc phải thực hiện được quy định tại Điều 1 của hợp đồng gồm: Hồ sơ thiết kế kiến trúc, hồ sơ thiết kế kết cấu, hồ sơ thiết kế cấp điện… Tổng giá trị hợp đồng là 6.534.183.000 đồng (sáu tỷ năm trăm ba mươi bốn triệu một trăm tám mươi ba nghìn đồng).

Ngày 27/4/2011 CÔNG TY B cùng Công ty TNHH TL (gọi tắt là TL) ký hợp đồng thi công xây dựng số 04/HĐXD/2011. Tổng giá trị hợp đồng là 52.161.273.000 đồng (năm mươi hai tỷ một trăm sáu mươi mốt triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

Sau khi tiến hành thi công ngày 03/7/2011 tại tầng hầm 2 của công trình đã xuất hiện hiện tượng đẩy nổi. Sau khi có báo cáo của đơn vị giám sát, chủ đầu tư đã tiến hành mời các đơn vị có liên quan để họp bàn phương án giải quyết cũng như chi phí khắc phục sự cố. Ngày 06/6/2012, CÔNG TY B ký hợp đồng thi công xây dựng số 03C1/HĐTCXD/2012 với Công ty TNHH TL về việc xử lý hầm 2 giai đoạn 2; 3 phá dỡ bê tông cốt thép, đào đất, đổ bê tông mác 150. Tổng giá trị hợp đồng là 7.768.845.000 đồng (bảy tỷ bảy trăm sáu mươi tám triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Ngày 29/6/2012, CÔNG TY B tiếp tục ký hợp đồng thi công xây dựng số 05A/HĐTCXD/2012 với Công ty TNHH TL về việc phần xử lý đẩy nổi. Tổng giá trị hợp đồng là 14.575.037.000 đồng (mười bốn tỷ năm trăm bảy mươi lăm triệu không trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

Ngoài ra, để xác định nguyên nhân đẩy trồi, ngày 08/11/2012 CÔNG TY B tiến hành ký hợp đồng kinh tế số 13A/2012/HĐKT – CNDD - KTSX với Phân viện khoa học công nghệ xây dựng Miền Nam (IBST/S) nội dung: kiểm định, xác định nguyên nhân đẩy trồi kết cấu tầng hầm 2 – công trình CÔNG TY B Plaza tại thành phố mới Bình Dương. Giá trị hợp đồng là 96.000.000 đồng (chín mươi sáu triệu đồng).

Qua các buổi làm việc ngày 10/01/2014, ngày 11/11/2015 và ngày 30/11/2015 giữa các bên có liên quan về chi phí khắc phục sự cố, nhưng không thể thỏa thuận được các vấn đề có tranh chấp. Do đó, CÔNG TY B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH Apave Châu Á – Thái Bình Dương bồi thường toàn bộ chi phí đã khắc phục sự cố là 22.439.882.000 đồng (hai mươi hai tỷ bốn trăm ba mươi chín triệu tám trăm tám mươi hai nghìn đồng), trong đó gồm: Chi phí khắc phục hậu quả sự cố đẩy nổi tầng hầm 2 là

22.343.882.000 đồng (hai mươi hai tỷ ba trăm bốn mươi ba triệu tám trăm tám mươi hai nghìn đồng) và chi phí kiểm định, xác định nguyên nhân đẩy trồi là 96.000.000 đồng (chín mươi sáu triệu đồng).

Đại diện bị đơn Công ty TNHH A trình bày: Ngày 26/6/2009, giữa Công ty TNHH A và CÔNG TY B có ký hợp đồng tư vấn giám sát số SC – 09 – 020 với nội dung: Quản lý dự án, tư vấn giám sát, thẩm tra thiết kế, báo cáo cung cấp chứng nhận chất lượng chủ đầu tư công trình, giá trị hợp đồng là 12.650.000.000đ (mười hai tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng). Ngày 26/6/2012, CÔNG TY B và Apave ký phụ lục hợp đồng số SC – 09 – 020/PLHĐ được để sửa đổi bổ sung đối với hợp đồng tư vấn xây dựng số SC – 09 – 020 ngày 26/6/2009. Vào ngày 03/7/2011 tại tầng hầm 2 của công trình đã xuất hiện hiện tượng đẩy nổi. Tại thời điểm xảy ra sự cố Công ty TNHH A, Công ty TNHH TL và CÔNG TY B có lập biên bản ghi nhận hiện tượng nứt, đẩy nổi. Đồng thời, chủ đầu tư là Công ty B có ký hợp đồng với Trần Long để khắc phục sự cố với tổng chi phí khắc phục là 22.343.882.000đ (hai mươi hai tỷ, ba trăm bốn mươi ba triệu, tám trăm tám mươi hai nghìn đồng), việc khắc phục trên Apave cũng là người giám sát. Tuy nhiên, giữa công ty TNHH A và CÔNG TY B chưa thống nhất được các vấn đề khi giải quyết sự cố thì CÔNG TY B đã ký với Phân viện Khoa học Công nghệ Xây dựng Miền Nam hợp đồng số 13A/2012/HĐKT-CNDD-KTSX để giám định nguyên nhân đẩy nổi sàn tầng hầm 2. Theo kết luận của Phân viện Khoa học Công nghệ Xây dựng Miền Nam xác định "Hệ kết cấu sàn tầng hầm 2- đà móng – đài cọc và đoạn cọc thứ 2 bị đẩy trồi là do mối nối cọc không đáp ứng yêu cầu chịu lực do không được thi công theo bản vẽ thiết kế. Dưới tác động đẩy nổi của nước dưới đáy móng, mối nối cọc không đủ khả năng neo giữ nên cả hệ bị trồi lên". Do đó công ty TNHH A không đồng ý với kết quả giám định. Công ty TNHH A đã nhiều lần phản ánh về kết quả giám định. Để xác định chính xác nguyên nhân gây ra sự cố nêu trên cần thiết phải giám định lại. Công ty TNHH A không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của CÔNG TY B. Công ty TNHH A xác định chỉ có một phần lỗi và chỉ đồng ý hỗ trợ khắc phục sự cố đẩy nổi là 4.000.000.000 đồng (bốn tỷ đồng). Tính đến thời điểm hiện tại Công ty B còn nợ Công ty TNHH A số tiền 2.600.000.000 đồng (hai tỷ sáu trăm triệu đồng). Tuy nhiên, trong vụ án này Công ty Apave không yêu cầu phản tố. Công ty Apave sẽ thực hiện việc khởi kiện khi có yêu cầu.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan công ty Cổ phần LT trình bày trong quá trình giải quyết vụ án: Ngày 21/5/2009 Công ty B có ký hợp đồng xây dựng số 60/HĐKT/BTTĐ với Công ty Cổ phần LT để cung cấp, thử tĩnh và thi công đóng cọc vuông BTCT 40x40 cm cho công trình CÔNG TY B Plaza, giá trị hợp đồng là 47.625.475.640đ (bốn mươi bảy tỷ, sáu trăm hai mươi lăm triệu, bốn trăm bảy mươi lăm nghìn, sáu trăm bốn mươi đồng). Công ty Cổ phần LT đã làm đúng hợp đồng, các giai đoạn thi công đã được tư vấn giám sát nghiệm thu, chủ đầu tư thanh quyết toán và hợp đồng trên đã được thanh lý. Vì vậy Công ty Cổ phần LT không liên quan gì đến việc khởi kiện của nguyên đơn và bị đơn, đồng thời có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH TL trình bày: Công ty TNHH TL không đồng ý với kết luận giám định của Công ty khảo sát thiết kế tư vấn Sài Gòn. Tuy nhiên, Công ty TNHH TL không yêu cầu giám định lại. Công ty TNHH TL không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH PC có đơn xin giải quyết vắng mặt. Công ty TNHH C không ý kiến về tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn, đồng thời có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Tại Kết luận giám định của Phân viện khoa học công nghệ xây dựng Miền Nam (IBST/S) tháng 12 – 2013, xác định "Hệ kết cấu sàn tầng hầm 2- đà móng – đài cọc và đoạn cọc thứ 2 bị đẩy trồi là do mối nối cọc không đáp ứng yêu cầu chịu lực do không được thi công theo bản vẽ thiết kế. Dưới tác động đẩy nổi của nước dưới đáy móng, mối nối cọc không đủ khả năng neo giữ nên cả hệ bị trồi lên". Các đơn vị có liên quan gồm Công ty cổ phần LT, Công ty TNHH PC, Công ty TNHH PC không đồng ý với kết luận giám định, yêu cầu phải có đơn vị giám định độc lập.

Ngày 28/02/2017 Tòa án đã ban hành quyết định trưng cầu giám định số 01/2017/QĐ – TCGĐ, nội dung trưng cầu giám định đối với nguyên nhân đẩy nổi sàn tầng hầm 2 công trình Công ty B Plaza và dự toán toàn bộ chi phí khắc phục sự cố đẩy nổi.

Tại kết quả kiểm định công trình ngày 22/9/2017 của Công ty khảo sát thiết kế tư vấn Sài Gòn kết luận: Chủ đầu tư xây dựng "Công ty B – CÔNG TY B đã có thiếu sót trong quản lý và điều hành thi công công trình". Đơn vị thiết kế "Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt CIC đã có thiếu sót nghiêm trọng khi tính toán khả năng chịu lực của các kết cấu phần ngầm đã không tính đến ảnh hưởng do mực nước ngầm gây ra. Đây là nguyên nhân chính gây nên sự cố đẩy trồi sàn tầng hầm 2 tại công trình CÔNG TY B Plaza". Đơn vị thi công "Công ty TNHH TL đã có sai lầm khi lấp mương thu nước quanh hố móng công trình là tác nhân gây nên sự cố đẩy trồi sàn hầm 2". Đơn vị giám sát "Công ty A đã không phát hiện ra thiếu sót của đơn vị thiết kế cũng như để xảy ra tình trạng mối nối cọc không đạt yêu cầu kỹ thuật và việc lấp mương thu nước của đơn vị thi công". Đơn vị cung cấp cọc BTCT "Công ty CP LT, không đảm bảo yêu cầu thiết kế quy định (lỗi kỹ thuật có thể xảy ra tại vài đoạn cọc)". Đơn vị đóng cọc BTCT "Công ty TNHH PC trong quá trình thi công đóng cọc tại hiện trường việc xử lý mối nối giữa 2 đoạn cọc bằng liên kết hàn giữa 4 bản mã với hộp thép của 2 đầu cọc có chất lượng không đạt yêu cầu kỹ thuật".

Đối với dự toán khắc phục sự cố đẩy trồi sàn hầm 2 với phương án: Đổ bê tông mác 150 với chiều dày 1,0m và sàn BTCT mác 350 với chiều dày 70cm là 18.176.083.000 đồng (mười tám tỷ một trăm bảy mươi sáu triệu không trăm tám mươi ba nghìn đồng).

Quá trình giải quyết sơ thẩm lần một, Hội đồng xét xử tuyên xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng tư vấn xây dựng. Buộc Công ty TNHH A phải bồi thường thiệt hại cho Công ty

B số tiền 9.088.041.500đồng (chín tỷ không trăm tám mươi tám triệu không trăm bốn mươi mốt nghìn năm trăm đồng). Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty B đối với bị đơn là Công ty TNHH A về yêu cầu bồi thường thiệt hại và chi phí kiểm định với số tiền 13.351.840.500 đồng (mười ba tỷ ba trăm năm mươi mốt triệu tám trăm bốn mươi nghìn năm trăm đồng).

Ngoài ra bản án cón tuyên về chi phí tố tụng, án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

" Công ty TNHH A phải nộp án phí với số tiền 117.088.000 đồng (một trăm mười bảy triệu không trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Công ty B phải nộp án phí với số tiền 121.351.800 đồng (một trăm hai mươi mốt triệu ba trăm năm mươi mốt nghìn tám trăm đồng). Được khấu trừ vào số tiền 65.220.000 đồng (sáu mươi lăm triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2014/0014860 ngày 13/01/2016 của chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một. Công ty B phải nộp thêm số tiền 56.131.800 đồng (năm mươi sáu triệu một trăm ba mươi mốt nghìn tám trăm đồng).

Về chi phí tố tụng: Công ty TNHH A phải nộp số tiền 668.714.000 đồng (sáu trăm sáu mươi tám triệu bảy trăm mười bốn nghìn đồng) để hoàn trả lại cho Công ty B".

Bản án có kháng cáo nguyên đơn, bị đơn. Do đó, tại Bản án phúc thẩm số 31/2019/KDTM-PT ngày 29/11/2019 của TAND tỉnh Bình Dương tuyên sửa một phần Bản án sơ thẩm số 04/2018/KDTM-ST ngày 09/3/2018 của TAND thành phố Thủ Dầu Một về phần chi phí giám định theo hướng mỗi bên chịu 50% tương ứng với mức độ lỗi của hai bên.

Sau khi tuyên án phúc thẩm, bị đơn và Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị xem xét bản án phúc thẩm theo thủ tục giám đốc thẩm.

Quyết định giám đốc thẩm số 26/2020/KDTM – GDT ngày 10/7/2020 của TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên huỷ Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 31/2019/KDTM-PT ngày 29/11/2019 và Bản án sơ thẩm số 04/2018/KDTM-ST ngày 09/3/2018 của TAND thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Do đó, Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tiến hành giải quyết lại vụ án theo trình tự thủ tục sơ thẩm. Quá trình tố tụng, nguyên đơn bị đơn có đề nghị được thoả thuận về việc giải quyết vụ án nhưng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều vắng mặt mặc dù đã được toà án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn đề nghị được thoả thuận với bị đơn về việc giải quyết toàn bộ vụ án, đồng thời xác định không tranh chấp với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận của hai bên, cụ thể:

Công ty TNHH A có trách nhiệm thanh toán cho Công ty B (gọi tắt là CÔNG TY B) tổng số tiền bồi thường thiệt hại là 5.402.970.000 đồng (năm tỷ bốn trăm lẻ hai triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng), theo phương thức sau:

- Công ty B (gọi tắt là CÔNG TY B) và Công ty TNHH A thống nhất cấn trừ số tiền 802.970.000đồng (Tám trăm linh hai triệu, chín trăm bảy mươi nghìn đồng) theo Bảng đối chiếu công nợ của Hợp đồng tư vấn xây dựng số SC – 09 – 020 ký kết ngày 26/6/2009 giữa Công ty B và Công ty A vào số tiền 5.402.970.000 đồng (năm tỷ bốn trăm lẻ hai triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng).

- Công ty TNHH A có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền 4.600.000.000đồng cho Công ty B sau khi đã cấn trừ số tiền 802.970.000đồng.

Về chi phí tố tụng: Công ty B và Công ty TNHH A mỗi bên phải chịu 334.357.000 đồng (Ba trăm ba mươi bốn triệu, ba trăm năm mươi bảy nghìn đồng) chi phí giám định.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty B và Công ty TNHH A mỗi bên phải chịu ½ là 56.701.485đồng.

Đồng thời, Công ty B và Công ty TNHH A xác định không tranh chấp với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án

Đại diện bị đơn xuất trình biên bản thoả thuận về việc giải quyết vụ án ngày 23/9/2021 và thống nhất toàn bộ nội dung thoả thuận như nguyên đơn trình bày tại phiên toà. Đề nghị Hôi đồng xét xử công nhận sự thoả thuận của nguyên đơn và bị đơn.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm.

+ Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan đã không chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

+ Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy nguyên đơn, bị đơn đã thống nhất được về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Nhận thấy, sự thoả thuận giữa nguyên đơn và bị đơn là không vi phạm điều cấm pháp luật và không trái đạo đức, đồng thời xác định không tranh chấp với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nên việc những người có quyền lợi nghĩa vụ trong vụ án đã được tống đạt hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng là không chấp hành đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ghi nhận sự thoả thuận giữa nguyên đơn và bị đơn tại phiên toà

+ Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Công ty B khởi kiện Công ty TNHH A tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với Hợp đồng tư vấn xây dựng số SC – 09 – 020 ngày 26/6/2009 nên đây là tranh chấp hợp đồng kinh doanh thương mại về tư vấn xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại khoản 1, Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là Công ty TNHH TL, Công ty CP LT, Công ty Công ty Cổ phần V, Công ty TNHH C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Phúc Cường có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định tại các Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Công ty B khởi kiện Công ty TNHH A yêu cầu bồi thường chi phí khắc phục sự cố đẩy nổi tầng hầm 2 với số tiền 22.439.882.000 đồng (hai mươi hai tỷ bốn trăm ba mươi chín triệu tám trăm tám mươi hai nghìn đồng) vì cho rằng: Công ty TNHH A là đơn vị Tư vấn quản lý dự án, tư vấn giám sát kỹ thuật thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị, tư vấn thẩm tra hồ sơ thiết kế, thẩm tra dự toán, kiểm tra và cấp giấy chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng đối với công trình nhà ở CÔNG TY B Plaza nhưng không thực hiện đúng trách nhiệm dẫn đến sự cố gây thiệt hại cho chủ đầu tư. Công ty TNHH A cho rằng sự cố đẩy trồi tầng hầm 2 là ngoài dự tính, đơn vị giám sát không thể lường trước được mực nước ngầm dâng cao do thời tiết mưa to, kéo dài. Do đó Công ty TNHH A chỉ đồng ý hỗ trợ một phần chi phí khắc phục sự cố theo biên bản cuộc họp ngày 06/9/2017 giữa các đơn vị có liên quan.

[3] Nhận thấy, quá trình giải quyết vụ án sơ thẩm và phúc thẩm lần 1, căn cứ vào kết quả kiểm định công trình ngày 22/9/2017 của Công ty khảo sát thiết kế tư vấn Sài Gòn, theo kết luận giám định nguyên nhân sự cố đẩy nổi tầng hầm 2 là do thiếu sót của đơn vị thiết kế, tình trạng mối nối cọc không đạt yêu cầu kỹ thuật của đơn vị cung cấp cọc và việc lấp mương thu nước của đơn vị thi công là không phù hợp và đây là nguyên nhân chính dẫn đến sự cố đẩy trồi tầng hầm 2. Đơn vị giám sát Công ty A không có chứng cứ nào để chứng minh cho việc đã thông báo cho chủ đầu tư về các vấn đề sai sót trên để tiến hành xem xét khắc phục hoặc kịp thời sửa đổi. Do đó, sự cố đẩy nổi tầng hầm 2 công trình nhà ở CÔNG TY B Plaza là có một phần lỗi thuộc về Công ty TNHH A

[4] Về chi phí khắc phục sự cố: Căn cứ hợp đồng thi công xây dựng số 03C1/HĐTCXD/2012 ngày 06/6/2012 và hợp đồng thi công xây dựng số 05A/HĐTCXD/2012 ngày 29/6/2012 giữa CÔNG TY B với Công ty TNHH TL thể hiện tổng giá trị để khắc phục sự cố đẩy nổi tầng hầm 2 là 22.343.882.000 đồng (hai mươi hai tỷ ba trăm bốn mươi ba triệu tám trăm tám mươi hai nghìn đồng), các bên đã thực hiện và thanh lý hợp đồng theo bản quyết toán ngày 12/12/2012 và ngày 10/4/2014. Hiện tại công trình đã hoàn thành hạng mục, được nghiệm thu vào tháng 3/2014 và đã đưa vào sử dụng. Công ty B yêu cầu chi phí khắc phục hậu quả sự cố đẩy nổi tầng hầm 2 là 22.343.882.000 đồng (hai mươi hai tỷ ba trăm bốn mươi ba triệu tám trăm tám mươi hai nghìn đồng). Tuy nhiên, theo kết quả của Công ty khảo sát thiết kế tư vấn Sài Gòn thể hiện chi phí khắc phục sự cố là 18.176.083.000 đồng (mười tám tỷ một trăm bảy mươi sáu triệu không trăm tám mươi ba nghìn đồng).

[5] Quá trình giải quyết vụ án, căn cứ biên bản làm việc ngày 06/9/2017 chủ đầu tư Công ty B yêu cầu các đơn vị có liên quan phải chịu trách nhiệm 50% chi phí khắc phục sự cố. Công ty Apave là đơn vị giám sát nhưng không phát hiện thiếu sót của đơn vị thiết kế cũng như các yêu cầu kỹ thuật của đơn vị thi công nên phải chịu 50% chi phí khắc phục sự cố theo đề xuất của chủ đầu tư.

[6] Tuy nhiên, quá trình giải quyết sơ thẩm lại vụ án và tại phiên toà nguyên đơn và bị đơn thống nhất về việc giải quyết toàn bộ vụ án, bao gồm số tiền bồi thường là 5.402.970.000 đồng, về chi phí tố tụng (chi phí giám định) và án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn thống nhất mỗi bên phải chịu ½ theo quy định. Đồng thời, Công ty B và Công ty TNHH A xác định không tranh chấp với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án nên việc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên toà được xem là từ bỏ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận các bên. Xét thấy sự thoả thuận giữa nguyên đơn và bị đơn tại phiên toà về việc giải quyết toàn bộ vụ án và xác định không tranh chấp với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là không vi phạm điều cấm pháp luật và không trái đạo đức xã hội, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là phù hợp nên chấp nhận.

[7] Về chi phí giám định: Nguyên đơn và bị đơn mỗi bên phải chịu ½ chi phí giám định là 334.357.000 đồng (Ba trăm ba mươi bốn triệu, ba trăm năm mươi bảy nghìn đồng) chi phí giám định.

[8] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Nguyên đơn và bị đơn mỗi bên phải chịu ½ là 56.701.485đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điều 246, Điều 266, Điều 267 và Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 360, 361, 363, 364 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 89, 90, 107, 108 Luật xây dựng năm 2003.

- Căn cứ vào các Điều 302, 303 và Điều 304 của Luật thương mại.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Công nhận sự thoả thuận giữa Công ty B và Công ty TNHH A về việc tranh chấp hợp đồng tư vấn xây dựng.

Công ty TNHH A có trách nhiệm thanh toán cho Công ty B tổng số tiền bồi thường thiệt hại là 5.402.970.000 đồng (năm tỷ bốn trăm lẻ hai triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng), phương thức thanh toán như sau:

- Công ty B và Công ty TNHH A thống nhất cấn trừ số tiền 802.970.000 đồng (Tám trăm linh hai triệu, chín trăm bảy mươi nghìn đồng) theo Bảng đối chiếu công nợ của Hợp đồng tư vấn xây dựng số SC – 09 – 020 ký kết ngày 26/6/2009 giữa Công ty B và Công ty TNHH A vào số tiền 5.402.970.000 đồng (năm tỷ bốn trăm lẻ hai triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng).

- Công ty TNHH A còn phải tiếp tục thanh toán số tiền 4.600.000.000đồng cho Công ty B sau khi đã cấn trừ số tiền 802.970.000đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi bằng mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí tố tụng và án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Về chi phí tố tụng: Công ty B phải chịu 334.357.000 đồng (Ba trăm ba mươi bốn triệu, ba trăm năm mươi bảy nghìn đồng) chi phí giám định, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí đã nộp.

Công ty TNHH A phải chịu 334.357.000 đồng (Ba trăm ba mươi bốn triệu, ba trăm năm mươi bảy nghìn đồng) chi phí giám định để hoàn trả lại cho Công ty B.

- Về án phí kinh doanh thương mại: Công ty B và Công ty TNHH A mỗi bên phải chịu ½ là 56.701.485đồng. Công ty B được khấu trừ vào số tiền 65.220.000 đồng (sáu mươi lăm triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2014/0014860 ngày 13/01/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một và được nhận lại số tiền 8.518.515đồng (tám triệu năm trăm mười tám ngàn năm trăm mười năm đồng) còn thừa. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương hoàn trả số tiền

56.131.800đồng (Năm mươi sáu triệu một trăm ba mươi mốt ngàn tám trăm đồng) cho Công ty B.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- CC THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Duy Nhân

THẨM PHÁN – THÀNH VIÊN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**